

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG  
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



# ***TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN***

Học phần: Môn Logic học

**ĐỀ TÀI:** Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế

Giảng viên hướng dẫn : Đào Thị Hữu  
Sinh viên thực hiện : Tăng Thị Ngọc  
Lớp : K22LKTC  
Mã sinh viên : 22A4060193

Hà nội, ngày 10 tháng 07 năm 2020

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU:</b> .....	<b>2</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài : .....	<b>2</b>
2. Mục đích nghiên cứu.....	<b>2</b>
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu : .....	<b>3</b>
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu: .....	<b>3</b>
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài: .....	<b>3</b>
<b>NỘI DUNG:</b> .....	<b>3</b>
<b>Phần 1: Phần lý luận:</b> .....	<b>4</b>
1.1 Định nghĩa và cấu trúc của tam đoạn luận đơn: .....	<b>4</b>
1.2 Loại hình và kiểu của tam đoạn luận đơn: .....	<b>4</b>
1.3 Các quy tắc cho thuật ngữ: .....	<b>5</b>
1.4 Các quy tắc cho tiền đề: .....	<b>6</b>
1.5 Quy tắc loại hình: .....	<b>8</b>
1.6 Tam đoạn luận rút gọn (luận hai đoạn) .....	<b>8</b>
<b>Phần 2: Phần liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân</b> .....	<b>9</b>
2.1 Liên hệ thực tế: .....	<b>9</b>
2.2 Liên hệ bản thân: .....	<b>12</b>
<b>KẾT LUẬN:</b> .....	<b>13</b>
<b>Tài liệu tham khảo:</b> .....	<b>14</b>

## **MỞ ĐẦU:**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài:**

Như chúng ta đã thấy, trong cuộc sống thường ngày mọi hoạt động sinh hoạt của con người từ đơn giản đến phức tạp đều phải thông qua bộ não của mình, hay nói một cách cụ thể hơn là thông qua tư duy. Cùng với sự phát triển của thực tiễn và nhận thức của mình, con người ngày càng có nhiều sự hiểu biết, hiểu biết một cách đầy đủ hơn, sâu sắc hơn thay thậm trí là chính xác hơn về bản thân, tư duy nhận thức của chính mình. Nói đến tư duy, ta không thể không nhắc đến các hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, ngụ biện. Đặc biệt, trong những hình thức cơ bản ấy phải nói đến suy luận – suy luận chính là một trong những hình thức quan trọng của tư duy. Suy luận có hai loại hình thức chính là suy luận diễn dịch và suy luận quy nạp. trong suy luận diễn dịch ta lại có hai loại là suy luận diễn dịch trực tiếp và suy luận diễn dịch gián tiếp. Một trong những điểm nổi bật của hình thức suy luận phải kể đến suy luận diễn dịch gián tiếp hay còn gọi là tam đoạn luận đơn. Tam đoạn luận đơn đã được các nhà triết học cổ đại Hy Lạp nghiên cứu rất kỹ lưỡng, nhưng nó vẫn là một ẩn số. Tuy vậy, trong tư duy hàng ngày tam đoạn luận đơn vẫn có một giá trị không có gì để thay thế. Để tìm hiểu rõ hơn về tính quan trọng cũng như cấp thiết của dạng suy luận diễn dịch gián tiếp (tam đoạn luận đơn) trong tư duy của con người, em đã lựa chọn đề tài: “Tam đoạn luận đơn và các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn thông qua các tình huống thực tế”

### **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề tài sẽ làm rõ các vấn đề sau:

- Định nghĩa và các thành phần cấu trúc chính của tam đoạn luận đơn.
- Các loại hình và các kiểu của tam đoạn luận đơn
- Tiên đề và quy tắc của tam đoạn luận đơn
- Lỗi logic trong các loại hình của tam đoạn luận đơn

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:**

- Đối tượng nghiên cứu ở đây chính là hình thức suy luận diễn dịch gián tiếp (tam đoạn luận đơn) cụ thể là các định nghĩa, các loại hình của tam đoạn luận đơn và lỗi logic thường gặp trong các loại hình của tam đoạn luận đơn.
- Phạm vi nghiên cứu của đề tài chủ yếu là hình thức suy luận diễn dịch gián tiếp (tam đoạn luận đơn)

### **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu:**

- Cơ sở lý luận : Quan điểm của logic học hình thức về suy luận đặc biệt là suy luận diễn dịch gián tiếp (tam đoạn luận đơn)
- Phương pháp nghiên cứu: Thống nhất logic và lịch sử, tổng hợp, phân tích, khái quát hóa và hệ thống hóa.

### **5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài:**

- Ý nghĩa lý luận: Thông qua quá trình suy luận, con người phát triển tri thức từ những tri thức đã có, chứng minh hoặc bác bỏ được luận điểm nào đó mà như cần nhận thức cần phải đạt tới
- Ý nghĩa thực tiễn: Giúp con người tư duy một cách rõ ràng, tránh mắc những sai lầm. Đặc biệt là giúp cho những người làm luật có một lối tư duy đúng đắn, không gây ra những sai lầm.

## **NỘI DUNG:**

### **Phần 1: Phần lý luận:**

#### **1.1 Định nghĩa và cấu trúc của tam đoạn luận đơn:**

##### **1.1.1 Định nghĩa:**

Tam đoạn luận đơn là loại suy luận diễn dịch gián tiếp có hai phán đoán tiền đề và từ phán đoán đó rút ra phán đoán kết luận. Tam đoạn luận đơn là luận ba đoạn mà tiền đề và kết luận là các phán đoán đơn.

Về cấu trúc logic, mỗi tam đoạn luận đơn có hai phán đoán tiền đề, khẳng định những hiểu biết về đối tượng phản ánh và phán đoán kết luận được rút ra trên cơ sở các phán đoán tiền đề

##### **1.1.2 Cấu trúc của tam đoạn luận đơn**

- Các loại thuật ngữ: trong tam đoạn luận đơn có ba thuật ngữ
  - + Thuật ngữ lớn (kí hiệu P) là vị từ trong phán đoán kết luận
  - + Thuật ngữ nhỏ (kí hiệu S) là chủ từ trong phán đoán kết luận
  - + Thuật ngữ giữa (kí hiệu M) là thuật ngữ lặp lại ở hai phán đoán tiền đề và đóng vai trò trung gian để rút ra phán đoán kết luận.
  - + Phán đoán tiền đề có thuật ngữ lớn (P) gọi là tiền đề lớn.
  - + Phán đoán tiền đề có thuật ngữ là (S) gọi là tiền đề nhỏ.

#### **1.2 Loại hình và kiểu của tam đoạn luận đơn:**

##### **1.2.1 Loại hình của tam đoạn luận đơn:**

Căn cứ vào vị trí của thuật ngữ giữa (M) ở các phán đoán tiền đề, chia tam đoạn luận đơn thành bốn loại hình:

- Loại hình 1: Thuật ngữ giữa làm chủ từ ở phán đoán tiền đề lớn. vị từ ở phán đoán tiền đề nhỏ.

Công thức biểu diễn:

$$\begin{array}{c} M - P \\ \diagdown \\ \underline{S - M} \\ S - P \end{array}$$

- Loại hình thứ 2: Thuật ngữ làm vị từ ở cả hai phán đoán tiền đề.

Công thức biểu diễn:

$$\begin{array}{c} P - M \\ | \\ \underline{S - M} \\ S - P \end{array}$$

- Loại hình thứ 3: Thuật ngữ giữa làm chủ từ ở cả hai phán đoán tiền đề.

Công thức biểu diễn:

$$\begin{array}{c} M - P \\ | \\ \underline{M - S} \\ S - P \end{array}$$

- Loại hình số 4: Thuật ngữ giữa làm vị từ ở phần phán đoán tiền đề lớn, làm chủ từ ở phần phán đoán tiền đề nhỏ.

Các công thức biểu diễn:

$$\begin{array}{c} P - M \\ \diagdown \\ \underline{M - S} \\ S - P \end{array}$$

### 1.3 Các quy tắc cho thuật ngữ:

#### 1.3.1 Quy tắc 1: Mỗi tam đoạn luận đơn chỉ có ba thuật ngữ.

Quy tắc này suy ra từ định nghĩa và cấu tạo của tam đoạn luận đơn. Hai thuật ngữ biên (S, P) được liên hệ với nhau trên cơ sở quan hệ của chúng với thuật ngữ giữa (M). Vậy nên M phải đồng nhất thì nó mới làm được vai trò trung gian để xác định quan hệ tất yếu giữa S và P

Nếu thuật ngữ giữa không đồng nhất thì tam đoạn luận đơn không phải chỉ có ba thuật ngữ mà là bốn thuật ngữ. Vậy trong tam đoạn luận đơn ta không thể rút ra được kết luận tất yếu đúng.

#### 1.3.2 Quy tắc 2: Thuật ngữ phải chu diên ít nhất một lần.

Quan hệ giữa hai thuật ngữ biên được xác định trên cơ sở quan hệ của mỗi thuật ngữ với thuật ngữ giữa. Nếu thuật ngữ chu diên (ít nhất một lần) thì ta xác định được ngoại diên của thuật ngữ giữa hoàn toàn nằm trong hay hoàn toàn nằm ngoài ngoại diên của một thuật ngữ biên. Dựa trên cơ sở quan hệ của thuật ngữ giữa với thuật ngữ biên còn lại mà ta xác định được quan hệ tất yếu của hai thuật ngữ biên với nhau.

#### 1.3.3 Quy tắc 3: Nếu thuật ngữ không chu diên ở tiền đề thì không chu diên ở kết luận.

Bản chất của suy luận diễn dịch là quá trình tư tưởng đi từ tri thức về cái toàn thể đến tri thức và cái bộ phận. Do vậy, lớp đối tượng được đề cập ở kết luận bao giờ cũng bằng hoặc nhỏ hơn lớp đối tượng được đề cập ở tiền đề. Nếu ở tiền đề chỉ đề cập một phần lớp đối tượng (nghĩa là không chu diên) thì cũng chỉ kết luận cho phần đã được đề cập đó ở tiền đề.

### 1.4 Các quy tắc cho tiền đề:

#### 1.4.1 Quy tắc 1: Nếu hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì không thể rút ra được kết luận tất yếu đúng.

Quan hệ của hai thuật ngữ biên được xác định trên cơ sở quan hệ của mỗi thuật ngữ biên với thuật ngữ giữa. Hai phán đoán tiền đề là phán đoán phủ định thì quan hệ các thuật ngữ biên với thuật ngữ bị loại trừ. Như vậy, ta không thể xác định quan hệ của hai thuật ngữ biên với nhau một cách tất yếu.

#### 1.4.2 Quy tắc 2: Nếu một tiền đề là phán đoán phủ định thì kết luận phải là phủ định.

Theo tiền đề của tam đoạn luận đơn, dấu hiệu P không thuộc về lớp đối tượng đã cho thì dấu hiệu đó cũng sẽ không thuộc về mỗi đối tượng thành phần của lớp đối tượng đó. Vì vậy, nếu tiền đề có một phán đoán phủ định thì chắc chắn M không thuộc một thuật ngữ biên. Với phán đoán tiền đề còn lại là khẳng định, xác định quan hệ phụ thuộc hoặc giao nhau của thuật ngữ biên còn lại là M. Từ đó ta thấy có thể tất cả (hoặc một phần) của hai thuật ngữ biên là không có quan hệ với nhau, phản ánh quan hệ đó là phán đoán phủ định.

1.4.3 Quy tắc 3: Nếu hai tiền đề đều là phán đoán bộ phận thì không thể rút ra kết luận tất yếu đúng.

❖ Trường hợp 1: Nếu hai tiền đề là phán đoán khẳng định bộ phận thì thuật ngữ giữa không một lần chu diên (vi phạm quy tắc 2 cho thuật ngữ) nên không làm được vai trò trung gian để xác định quan hệ tất yếu giữa hai thuật ngữ biên. Do vậy, không có được kết luận tất yếu đúng.

❖ Trường hợp 2: Một trong hai phán đoán bộ phận là phán đoán phủ định:

Một số  $P^-$  không là  $M^+$

Một số  $S^-$  không là  $M^-$

Một số  $S^-$  không là  $P^+$

$P^-$  tiền đề  $P^+$  ở kết luận, vi phạm quy tắc thứ bậc thuật ngữ nên không có được kết luận

1.4.4 Quy tắc 4: Nếu tiền đề có một phán đoán bộ phận thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận.

Bản chất suy luận diễn dịch là tư tưởng đi từ tri thức về cái toàn thể đến tri thức về cái bộ phận. Vậy nên, nếu ở tiền đề đã giới hạn trong phạm vi một phần của lớp đối tượng thì kết luận cũng chỉ khẳng định hoặc



phủ định những hiểu biết trong phạm vi của phần đã giới hạn ở tiền đề, không thể kết luận được cho cả lớp đối tượng.

#### 1.4.5 Quy tắc 5: Nếu cả hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định thì kết luận cũng phải là phán đoán khẳng định.

Theo tiền đề của tam đoạn luận đơn: nếu dấu hiệu P thuộc về lớp đối tượng đã cho thì dấu hiệu đó cũng sẽ thuộc về mỗi đối tượng thành phần trong lớp đối tượng đó. Hai phán đoán tiền đề đều là phán đoán khẳng định thì hai thuật ngữ biên phải có quan hệ phụ thuộc hoặc giao nhau, phản ánh quan hệ đó là phán đoán khẳng định.

#### 1.5. Quy tắc loại hình:

➤ Đối với loại hình 1, ta có hai quy tắc:

- + Đại tiền đề là phán đoán toàn thể.
- + Tiểu tiền đề là phán đoán khẳng định.

Ở loại hình số 1 có bốn kiểu suy luận đúng: AAA, EAE, AII, EIO.

➤ Đối với loại hình 2, ta có hai quy tắc:

- + Tiền đề lớn phải là phán đoán toàn thể.
- + Một trong hai tiền đề phải là phán đoán phủ định

Các kiểu suy luận đúng: EAE, AEE, EIO, AOO.

➤ Loại hình thứ 3 cũng có hai quy tắc:

- + Tiền đề nhỏ là phán đoán khẳng định.
- + Kết luận là phán đoán bộ phận.

Các kiểu suy luận đúng: AAI, IAI, AII, EAO, OAO, EIO.

➤ Loại hình số 4 cũng có hai quy tắc:

- + Nếu cả hai tiền đề là phán đoán khẳng định thì tiền đề nhỏ phải là phán đoán toàn thể và kết luận là phán đoán bộ phận (IAI, AAI).
- + Nếu một trong hai tiền đề là phán đoán phủ định (phủ định toàn thể) thì tiền đề lớn là phán đoán toàn thể (AEE, EAO, EIO).

#### 1.6. Tam đoạn luận rút gọn (luận hai đoạn)

Tam đoạn luận rút gọn có 3 dạng:

- + Lược bớt phán đoán tiền đề lớn
- + Lược bớt phán đoán tiền đề nhỏ
- + Lược bớt kết luận

## **Phần 2: Phần liên hệ thực tiễn và liên hệ bản thân**

### **2.1. Liên hệ thực tế:**

Các lỗi logic khi vi phạm các quy tắc chung cho mọi loại hình tam đoạn luận đơn

2.1.1. Quy tắc 1: Trong một tam đoạn luận có 3 và chỉ 3 thuật ngữ

Ví dụ:

Vật chất tồn tại vĩnh viễn

Cái đồng hồ là vật chất

Vậy, cái đồng hồ tồn tại vĩnh viễn

⇒ Hai khái niệm về “vật chất” ở đây có nội hàm khác nhau hoàn toàn, không đồng nhất với nhau nên không thể đóng vai trò là thuật ngữ giữa của tam đoạn luận đơn. Vì vậy, kết luận không chân thật do “vật chất” ở tiền đề lớn (P) khác với vật chất ở tiền đề nhỏ (S), đó là hai khái niệm khác nhau về vật chất. Với “vật chất” ở tiền đề lớn (P) chỉ phạm trù của triết học còn “vật chất” ở tiền đề nhỏ (S) là chỉ một sự vật cụ thể.

2.1.2. Quy tắc 2: Thuật ngữ phải chu diên ít nhất một lần

Tình huống: Trong một buổi tranh luận giữa hai thí sinh A và B khi tham gia một cuộc thi do trường tổ chức. A đã lập luận: Mọi sinh viên đều sống ở Hà Nội và S sống ở Hà Nội, từ đó A kết luận rằng S là sinh viên.

⇒ Lỗi logic: Trong cả hai phán đoán tiền đề M<sup>-</sup> (đều không chu diên). Vi phạm quy tắc thuật ngữ phải chu diên ít nhất một lần. Như vậy, cả hai lần ta không xác định được M hoàn toàn nằm trong hay hoàn toàn nằm ngoài

một thuật ngữ biên. Do thuật ngữ giữa ở cả hai tiền đề đều không chu diên vì vậy suy luận của A không có được kết luận tất yếu đúng.

2.1.3. Quy tắc 3: Nếu thuật ngữ không chu diên ở tiền đề thì không chu diên ở kết luận.

Ví dụ: Quỳnh là sinh viên

Quỳnh là công dân Việt Nam

Vậy, tất cả sinh viên đều là công dân Việt Nam

⇒ Ở ví dụ trên, ở tiền đề nhỏ  $S^-$  đã không chu diên nhưng sang đến kết luận thì  $S^+$  lại chu diên vì vậy ở đây kết luận không thể nào tất yếu đúng do vi phạm quy tắc nếu không chu diên ở tiền đề thì không được chu diên ở kết luận

Với 3 lỗi logic ở trên chính là những lỗi đã vi phạm với các quy tắc cho thuật ngữ. Lỗi logic mà mọi người thường hay mắc phải trong đời sống còn thể hiện qua lỗi vi phạm với các quy tắc cho tiền đề trong khi sử dụng tam đoạn luận đơn:

2.1.4. Quy tắc 4: Nếu hai tiền đề đều là phán đoán phủ định thì không thể rút ra kết luận tất yếu đúng:

Ví dụ: Mọi tù nhân đều không được đi bầu cử

Anh Q không được đi bầu cử

Vậy, anh Q là tù nhân

⇒ Lỗi logic: ở ví dụ trên cả hai tiền đề lớn và nhỏ đều là phán đoán phủ định. “mọi tù nhân đều không có quyền đi bầu cử” và “anh X cũng không được đi bầu cử” từ hai phán đoán mang tính phủ định này, ta không thể nào kết luận mang tính khẳng định “anh Q là tù nhân” bởi không phải cứ Anh Q không được đi bầu cử là anh Q sẽ là tù nhân, để trở thành tù nhân anh Q còn cần rất nhiều yếu tố cấu thành chứ không đơn giản chỉ là không được đi bầu cử mà lại rút ra kết luận rằng anh Q là tù nhân  $\Rightarrow$  Kết luận không tất yếu đúng.

2.1.5. Quy tắc 5: Nếu một tiền đề là phán đoán phủ định thì kết luận phải là phán đoán phủ định:

Tình huống: Trong một phiên tòa xử vụ án giết người ở Đà Nẵng. P và C là hai công dân có mặt để tham dự phiên tòa xét xử. Phiên tòa kết thúc P suy luận: Mọi tên tội phạm đều không tránh khỏi sự trừng phạt và kẻ giết người là tội phạm và P liền kết luận: Vậy, kẻ giết người đều tránh khỏi sự trừng phạt.

⇒ Lỗi logic: Ở ví dụ trên cả hai tiền đề phán đoán đều là phán đoán khẳng định, vì vậy không thỏa mãn điều kiện ở quy tắc 5 phải có một tiền đề phán đoán phủ định thì kết luận mới là phán đoán phủ định, từ đó kết luận của phán đoán trên không tất yếu đúng.

2.1.6 Quy tắc 6: Nếu hai tiền đề là phán đoán bộ phận thì không thể rút ra được kết luận tất yếu đúng:

- Trường hợp 1: Cả hai tiền đề là phán đoán khẳng định

Ví dụ: Một số sinh viên là người Hà Nội

Một số người Hà Nội là viên chức

Vậy, viên chức là sinh viên

⇒ Lỗi logic: Hai tiền đề trên đều là phán đoán khẳng định bộ phận thì sẽ dẫn đến việc thuật ngữ giữa không chu diên ít nhất một lần (vi phạm quy tắc 2 cho thuật ngữ) từ đó, thuật ngữ giữa không làm được vai trò trung gian để xác định quan hệ tất yếu giữa hai thuật ngữ P và S. Do vậy, kết luận không thể tất yếu đúng ở ví dụ trên.

- Trường hợp 2: Một trong hai phán đoán bộ phận là phán đoán phủ định:

Ví dụ: Một số vật biết bơi là động vật

Một số động vật không sống trên cạn

Vậy, một số động vật không là vật biết bơi

⇒ Lỗi logic: Ở ví dụ này, tiền đề lớn không chu diên nhưng ở kết luận thì lại chu diên nên đã vi phạm quy tắc 3 cho thuật ngữ nên từ đó không có được kết luận tất yếu đúng.

2.1.7 Quy tắc 7: Nếu tiền đề có một phán đoán bộ phận thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận

Tình huống: Trong giờ học văn, B nói : “Mọi tác phẩm văn học đều có giá trị nhân đạo” C ngồi cạnh liền nói theo: “một số bài văn là tác phẩm văn học” và B suy luận rằng: “Mọi bài văn đều có giá trị nhân đạo”.

⇒ Lỗi logic: Tình huống trên đã vi phạm vào quy tắc 7 nếu tiền đề có một phán đoán bộ phận thì kết luận cũng phải là phán đoán bộ phận. Ở đây phán đoán ở tiền đề đã thỏa mãn có một phán đoán bộ phận nhưng khi kết luận lại là phán đoán toàn thể. Không thể từ một phán đoán bộ phận “ một số bài văn là tác phẩm văn học” mà có thể rút ra kết luận rằng “ mọi bài văn đều có giá trị nhân đạo” bởi vì không phải bài văn nào cũng là giá trị nhân đạo, ví dụ như bài văn của một học sinh viết, thì có thể bài văn của học sinh đó không thể nào toát lên được giá trị nhân đạo. Do đó, kết luận ở tình huống này không tất yếu đúng.

2.1.8. Quy tắc 8: Nếu cả hai tiền đề đều là phán đoán khẳng định kết luận cũng phải là phán đoán khẳng định

Ví dụ: Tất cả luật sư là người có bằng cử nhân luật

Một số thạc sĩ là luật sư

Vậy, một số thạc sĩ không có bằng cử nhân luật

⇒ Lỗi logic: Ví dụ này đã vi phạm quy tắc 8 của tam đoạn luận đơn. Ở đây cả hai phán đoán tiền đề lớn và nhỏ đều là phán đoán khẳng định “tất cả luật sư là người đều có bằng cử nhân luật” và “ một số thạc sĩ là luật sư” vì vậy kết luận tất yếu phải là phán đoán khẳng định. Như vậy, kết luận ở ví dụ trên không tất yếu đúng.

## 2.2. *Liên hệ bản thân:*

Là một sinh viên khoa Luật kinh tế thì bản thân em thấy ý nghĩa của suy luận là rất quan trọng. Trong học tập, em có thể tiếp thu kiến thức và vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các bài tập. Còn trong lĩnh vực pháp luật, suy luận góp phần hình thành những phẩm chất tư duy năng động, nhạy cảm, linh hoạt và tuân thủ theo nguyên tắc. Suy luận sẽ giúp chúng ta không mắc phải những sai lầm trong cuộc sống, đặc biệt là trong công việc luật sư sau này của chúng em. Chúng ta có thể vận dụng những kiến thức đã học được từ chương suy luận áp dụng vào các phiên tòa sau này, tìm ra những lỗi sai, các lỗi logic mà luật sư bên tranh chấp có thể mắc phải, và đặc biệt cũng sẽ giúp cho bản thân em có được khả năng suy luận cao, lập luận chặt chẽ, không mắc bẫy của đối phương khi tranh luận và có thể đưa đối phương vào bẫy của mình. Trang bị cho mình những kiến thức về suy luận, bản thân em cũng như các bạn đang theo chuyên ngành Luật kinh tế của trường sẽ có đủ khả năng tự tin để tham gia các cuộc thi tranh luận và nghiên cứu khoa học.

### **KẾT LUẬN:**

Như vậy, có tư duy sẽ có những sai lầm giống như Brochad đã từng nói: “đôi với con người, sai lầm là quy luật mà chân lý là ngoại lệ”. Có những sai lầm do tư duy không phù hợp với thực tế khách quan có thể là ngộ nhận với thế giới tự nhiên, với mọi người và thậm chí là với bản thân, sai lầm này dẫn đến những phán đoán giả dối. Bên cạnh đó còn có loại sai lầm do tư duy không phù hợp với các quy luật của tư duy, loại này dẫn đến những suy luận mang tính phi logic. Vậy nên, logic học và đặc biệt là tam đoạn luận đơn luôn có ích và cần thiết trong cuộc sống. Nó giúp mỗi chúng ta nâng cao được trình độ tư duy để có được tư duy khoa học một cách tự giác. Do đó, ta có thể chủ động tránh khỏi những sai lầm đang tiềm ẩn trong tư duy của bản thân. Trong logic học, tam đoạn luận đơn chính là một công cụ cần thiết giúp chúng ta có thể tranh luận, phản bác đầy tính thuyết phục trước những lập luận mâu thuẫn, ngụy biện, biện minh của người khác. Ngoài ra, tam đoạn luận đơn còn tăng

bị cho ta phương pháp tư duy khoa học, nhờ đó mà ta có thể tham gia vào các hoạt động thực tiễn một cách hiệu quả nhất. Tam đoạn luận đơn giúp ta diễn đạt ý nghĩ rõ ràng, mạch lạc, không mâu thuẫn, tránh được những sai lầm về tư duy khi học tập, làm việc và được biết khi tham gia tranh luận.

### **Tài liệu tham khảo:**

Tài liệu tiếng việt:

1. Giáo trình Logic học – Trường Đại Học Luật Hà Nội

Tài liệu trực tuyến:

2. Tiểu luận logic học theo text.123.com

<https://text.123doc.net/document/4648188-tieu-luan-logic-hoc.htm>

3. Bài giảng chương 8: Tam đoạn luận nhất quyết theo timtailieu.vn

[http://timtailieu.vn/tai-lieu/bai-giang-chuong-8-tam-doan-luan-nhat-quyet-don-48401/?fbclid=IwAR3v7HWxSwHm499PbBVV\\_TRzbNDGmK6QL0FKYMQ1gNw-k1XAa4FRhYr7dBE](http://timtailieu.vn/tai-lieu/bai-giang-chuong-8-tam-doan-luan-nhat-quyet-don-48401/?fbclid=IwAR3v7HWxSwHm499PbBVV_TRzbNDGmK6QL0FKYMQ1gNw-k1XAa4FRhYr7dBE)